

Số: /TB-TĐC

Nam Định, ngày tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO
Công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý I năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2106/QĐ- KH&CN ngày 20/12/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Nam Định thông báo công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý I năm 2025.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định (Địa chỉ: skhcn.namdinh.gov.vn) và công bố trong cuộc họp giao ban tháng liền kề của cơ quan./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Chi cục;
- Các phòng chuyên môn;
- Website;
- Lưu: VT, ĐL-TH.

CHI CỤC TRƯỞNG

Đào Việt Hà

Phụ lục

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số: /TB-TĐC ngày /04/2025 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Nam Định)

ĐV tính: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I/2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm 2025(tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý I năm nay so với quý I năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí cấp đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy	600	0	0%	
II	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí cấp đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy	600	0	0%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính	2.596	623	24,00%	95,27%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.596	623		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	130	0		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	770	51,126	6,64%	271%
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	770	51,126		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp đào tạo	30	2,99	9,97%	9,9%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	30	2,99		